

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

VIỆN NGHIÊN CỨU QUẢN LÝ KINH TẾ TRUNG ƯƠNG

NGUYỄN THỊ THU HUYỀN

VAI TRÒ CỦA NHÀ NƯỚC
TRONG HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN
CỤM LIÊN KẾT NGÀNH Ở VIỆT NAM: TRƯỜNG HỢP
NGÀNH DỆT MAY VÀ ĐỒ GỖ

Chuyên ngành: Quản lý Kinh tế

Mã số: 931.01.10

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ KINH TẾ

Hà Nội - Năm 2023

Công trình được hoàn thành tại:

VIỆN NGHIÊN CỨU QUẢN LÝ KINH TẾ TRUNG ƯƠNG

Người hướng dẫn khoa học:

1: TS. Nguyễn Đình Cung

2: TS. Nguyễn Trọng Hiệu

Phản biện 1: PGS.TS. Nguyễn Ngọc Sơn

Phản biện 2: PGS.TS. Hoàng Văn Hải

Luận án sẽ được bảo vệ trước Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện
hợp tại Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương vào hồi.... giờ...
ngày.... tháng.... năm 2023

Có thể tìm hiểu luận án tại thư viện:

Thư viện Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương

Thư viện Quốc gia, Hà Nội

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Sự cần thiết của đề tài, luận án

Gần đây, Nhà nước Việt Nam đã có sự quan tâm tới việc phát triển CLKN qua những chủ trương, chỉ đạo phát triển công nghiệp Việt Nam dựa trên các chuỗi giá trị lớn từ đó từng bước hình thành các CLKN. Đây chính là vai trò gián tiếp của Nhà nước thông qua việc xây dựng các nền tảng kinh tế làm xuất hiện CLKN.

Hiện tại ở Việt Nam, các CLKN đang bắt đầu hình thành, các chuỗi giá trị lớn đã được phát triển tạo tiền đề tốt cho CLKN xuất hiện. Sự cần thiết đặt ra là cần nghiên cứu sâu sắc hơn về vai trò của Nhà nước trực tiếp tới CLKN qua việc lựa chọn cụ thể ngành phát triển thành CLKN gắn với lợi thế cạnh tranh quốc gia và các chính sách ưu đãi, đầu tư để ngành phát triển đạt được lợi thế quy mô mong muốn và dần trở thành những trụ cột chính của nền kinh tế. Xuất phát từ nhu cầu trên đặt ra sự cần thiết của việc nghiên cứu một cách đầy đủ về vai trò của Nhà nước trên ba giác độ nhà quản lý, nhà đầu tư và nhà kết nối trung gian nhằm thúc đẩy sự hình thành và phát triển CLKN ở Việt Nam là vô cùng quan trọng.

2. Những điểm mới của luận án

Điểm mới về khoa học, lý luận. Luận án đã chỉ ra được rằng CLKN hình thành là ngoại ứng của quá trình phát triển năng lực cạnh tranh của một ngành nhất định dựa trên sự tích tụ của các yếu tố từ mô hình Kim cương của Michael Porter. Vai trò của Nhà nước với CLKN được tác giả luận án phân ra thành 3 trụ cột chính đó là: Vai trò nhà quản lý trong hình thành một khuôn khổ pháp luật điều chỉnh các hoạt động; vai trò nhà đầu tư và vai trò nhà trung gian kết nối.

Điểm mới về thực tiễn. Mục đích của luận án là nghiên cứu chuyên sâu về vai trò của Nhà nước trong hình thành và phát triển CLKN nhằm hỗ trợ các cơ quan quản lý, các nhà hoạch định chính sách kinh tế có căn cứ trong đưa ra các chính sách, cơ chế hỗ trợ sự phát triển của mô hình kinh tế mới này ở Việt Nam. Luận án sẽ là tài liệu tham khảo tốt cho các nhà hoạch định chính sách phát triển kinh tế theo hướng đổi mới và nâng cao năng suất tạo nên sức mạnh nội lực thực sự cho nền kinh tế.

3. Kết cấu của luận án. Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo và phụ lục, luận án được chia làm 4 chương: Chương I: Tổng quan các nghiên cứu về vai trò nhà nước trong hình thành và phát triển CLKN; Chương II: Lý luận về vai trò của nhà nước trong hình thành và phát triển CLKN; Chương III: Thực trạng vai trò nhà nước trong hình thành phát triển CLKN: trường hợp ngành dệt may và làng nghề đồ gỗ; Chương IV: Phương hướng và giải pháp hoàn thiện vai trò của nhà nước nhằm thúc đẩy hình thành và phát triển cụm liên kết ngành đến năm 2030.

CHƯƠNG 1 - TỔNG QUAN CÁC NGHIÊN CỨU VỀ VAI TRÒ NHÀ NƯỚC TRONG HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CLKN

1.1 Tổng quan các công trình nghiên cứu liên quan đến vai trò Nhà nước trong hình thành và phát triển CLKN

1.1.1 Tổng quan các công trình về nội dung nghiên cứu.

Michael Porter (1990) trong tác phẩm “*Lợi thế cạnh tranh quốc gia*” nêu Chính phủ có trách nhiệm trong những khu vực quan trọng như hệ thống giáo dục phổ thông, y tế, cơ sở hạ tầng cơ bản. Chính phủ có vai trò quan trọng trong cung cấp các yếu tố sản xuất giúp hình thành CLKN. Chính phủ là nhà đầu tư lớn trong xây dựng nguồn nhân lực phù hợp, xây dựng hệ thống cơ sở hạ tầng đầy đủ và phù hợp cho việc phát triển nền kinh tế. Chính phủ là người dẫn dắt và tiên phong trong đầu tư về khoa học công nghệ mới. Ngoài ra, ông còn cho rằng, Chính phủ là người định hình các thể chế hỗ trợ hình thành và phát triển CLKN.

Tea Petrin (2011) đã thực hiện nghiên cứu “*Cụm là công cụ chính sách Nhà nước trong thúc đẩy năng lực cạnh tranh và thúc đẩy kinh tế tri thức*”, đưa ra lập luận về sự can thiệp chính sách của Nhà nước vào thị trường là do sự tăng trưởng kinh tế phụ thuộc vào đầu tư vào giáo dục, bảo vệ các ý tưởng cá nhân và phát triển tinh thần DN..... Tác giả nêu lên vai trò quan trọng của Nhà nước trong tạo cơ chế, cơ hội xây dựng các chương trình thúc đẩy tri thức đến với DN tốt hơn. Tác giả cho rằng Nhà nước cần coi CLKN là công cụ chính sách để thúc đẩy sự đổi mới; tăng cường năng lực cạnh tranh và tăng trưởng kinh tế.

Kuchiki (2007) đã thực hiện nghiên cứu “*From Agglomeration to Innovation, upgrading industrial clusters in emerging economies*”, ông đưa ra

mô hình biểu đồ chính sách cụm. Tác giả có nêu vai trò của chính quyền trung ương là xây dựng các chính sách công nghiệp phù hợp với phát triển CCN và chính quyền địa phương đóng vai trò then chốt trong các chính sách cụm.

Nguyễn Ngọc Sơn và cộng sự (2014) đã thực hiện đề tài nghiên cứu cấp Nhà nước “*Phát triển cụm ngành công nghiệp ở Việt Nam trong điều kiện toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế*”, bàn luận về vai trò của Nhà nước trong hình thành và phát triển CLNK. Nội dung nghiên cứu đề cập tới Nhà nước có vai trò trong xây dựng và nuôi dưỡng môi trường kinh doanh kinh tế vi mô có tính cạnh tranh. Nhà nước góp phần xây dựng các điều kiện đầu vào cho một môi trường kinh doanh hiệu quả với DN.

1.1.2 Tổng quan các công trình về phương pháp nghiên cứu

Các công trình nghiên cứu đã thực hiện dựa trên nhiều phương pháp nghiên cứu khác nhau. Các tác giả nghiên cứu tài liệu thứ cấp là các tài liệu đã được minh chứng từ trước với lập luận vững chắc.

Nghiên cứu trường hợp. Những lập luận của các tác giả đưa ra được minh chứng cụ thể bằng các ví dụ cụ thể tại các địa phương. Michael Porter có viết về các vấn đề ở các quốc gia khác nhau. Kuchiki có dẫn chứng về mô hình ở các nước châu á và có dẫn chứng về ngành công nghiệp tự động ở Quảng Châu, Trung Quốc.

Các nghiên cứu của Việt Nam có dẫn chứng từ các nghiên cứu lý luận của các học giả nước ngoài và những thực tiễn về cụm trên thế giới. Một số dẫn chứng được dựa trên những hạt giống CLKN tiềm năng trong nước như CCN Điện tử Đồng Nai, Canon.

1.1.3 Tổng quan các công trình về phạm vi không gian, thời gian và phương pháp nghiên cứu

Các học giả quốc tế như Michael Porter đưa ra vai trò của Nhà nước trong việc nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia. Tuy nhiên cụ thể về các vai trò của Nhà nước với CLKN như thế nào để có thể triển khai được thì chưa được làm rõ. Tác giả Tea Petrin nhìn nhận vai trò của Nhà nước trong việc xây dựng chính sách kinh tế phát triển kinh tế, tăng cường năng lực đổi mới, trao đổi tri thức dựa trên CLKN. Nhưng cụ thể Nhà nước có những vai trò gì thì lại chưa được nêu ra trong nghiên cứu.

Các nghiên cứu trong nước một số tập trung vào các vấn đề chung như khái niệm, cách thức tiếp cận CLKN. Chưa có nghiên cứu nào nói rõ về các

vai trò Nhà nước cần có để hỗ trợ hình thành và phát triển CLKN ở Việt Nam trong thời gian tới.

Thời gian của các nghiên cứu diễn ra từ 2007-2014, thời kỳ của những nỗ lực trong xây dựng các chính sách công nghiệp có sự hỗ trợ của Nhật Bản và làn sóng FDI tràn vào Việt Nam. Phương pháp nghiên cứu của các nghiên cứu trong nước có sử dụng phương pháp nghiên cứu tài liệu sơ cấp, thứ cấp và có đánh giá tiềm năng hình thành cụm thông qua chỉ số LQ về tích tụ lao động tại địa bàn nghiên cứu.

1.1.4 Khoảng trống và những vấn đề luận án sẽ tập trung nghiên cứu giải quyết

- ***Khoảng trống nghiên cứu***

- Các nghiên cứu về lý luận vai trò của Nhà nước trong hình thành và phát triển CLKN mới đề cập đến từng vai trò riêng, chưa có nghiên cứu nào đề cập một cách có hệ thống các vai trò của Nhà nước trong hình thành và phát triển CLKN.

- Chưa có nghiên cứu nào tổng kết tất cả những chính sách có liên quan đến việc phát triển CLKN trong thời gian qua theo ba vai trò của Nhà nước là nhà quản lý, nhà đầu tư và nhà kết nối trung gian.

- Chưa có nghiên cứu nào tổng hợp được vai trò của Nhà nước với sự hình thành và phát triển của CLKN và xây dựng được những tiêu chí đánh giá cụ thể về các vai trò đó.

- Đã có một số nghiên cứu có đề cập đến vai trò của Nhà nước đến phát triển CLKN nhưng đã được tiến hành khá lâu nên chưa gắn với bối cảnh phát triển hiện tại khi sự phát triển của các CLKN phải dựa trên các chuỗi giá trị, phải gắn với lợi thế cạnh tranh quốc gia. Đó là những nghiên cứu dựa trên các cụm lớn có yếu tố nước ngoài tiềm năng đã xuất hiện trong nền kinh tế trong thời gian qua.

- Chưa có nghiên cứu nào đề xuất được đầy đủ khung khổ pháp lý riêng cho phát triển CLKN. Các nghiên cứu trước mới đề xuất một số mảng chung trong nền kinh tế như vai trò của Nhà nước trong quản lý và đầu tư trong cung cấp cơ sở hạ tầng, dịch vụ công... Vai trò của Nhà nước thể hiện trong một khía cạnh nhất định như vậy chưa đủ tạo được lợi thế cho CLKN hình thành và phát triển.

- ***Những vấn đề luận án sẽ tập trung nghiên cứu giải quyết***

- Luận án sẽ làm rõ khái niệm, nội hàm vai trò Nhà nước theo ba khía cạnh là nhà quản lý, nhà đầu tư và nhà trung gian kết nối, các vai trò này hỗ trợ cho nhau tạo nên một hệ thống đầy đủ thúc đẩy sự hình thành và phát triển của các CLKN.

- Luận án xây dựng hệ thống các tiêu chí đánh giá vai trò của Nhà nước theo ba giác độ nhà quản lý, nhà đầu tư và nhà trung gian kết nối trong hình thành và phát triển CLKN.

- Luận án nghiên cứu trường hợp về sự hình thành của CLKN dựa trên các chuỗi giá trị khác nhau theo các mục tiêu của nền kinh tế như chuỗi giá trị lớn gắn với lợi thế cạnh tranh quốc gia là ngành dệt may và chuỗi giá trị nhỏ gắn với mục tiêu xã hội là làng nghề.

- Luận án tổng hợp các chính sách, văn bản liên quan đến ba vai trò kể trên của Nhà nước để phân tích, đánh giá kết quả, hạn chế, nguyên nhân của việc hình thành và phát triển CLKN ở Việt Nam trong thời gian qua.

- Luận án nêu ra các phương hướng, giải pháp tăng cường vai trò Nhà nước trong hình thành và phát triển CLKN đến năm 2030. Nhà nước cần lựa chọn ngành phát triển CLKN và xây dựng những chính sách ưu đãi, hỗ trợ hợp lý mới có thể giúp mô hình này thành công được ở Việt Nam.

1.2. Hướng nghiên cứu của luận án

1.2.1 Mục tiêu nghiên cứu của luận án

- *Mục tiêu tổng quát:* Luận án tập trung nghiên cứu làm rõ lý luận và thực trạng về vai trò của Nhà nước trong hình thành và phát triển CLKN và từ đó đề xuất giải pháp hoàn thiện các vai trò cụ thể của Nhà nước trong hình thành và phát triển CLKN ở Việt Nam.

- *Mục tiêu cụ thể. Mục tiêu 1:* Hệ thống hóa và phát triển cơ sở lý luận về vai trò của Nhà nước trong hình thành và phát triển CLKN. *Mục tiêu 2:* Đánh giá thực trạng vai trò của Nhà nước trong hình thành và phát triển CLKN ở Việt Nam, nghiên cứu sâu trường hợp ngành dệt may và đồ gỗ. *Mục tiêu 3:* Đề xuất phương hướng và giải pháp hoàn thiện vai trò của Nhà nước nhằm thúc đẩy phát triển các CLKN ở Việt Nam.

1.2.2 Đối tượng và phạm vi nghiên cứu luận án

- *Đối tượng nghiên cứu:* Đối tượng nghiên cứu của luận án là vai trò của Nhà nước và các vấn đề liên quan đến vai trò của Nhà nước trong hình thành và phát triển CLKN ở Việt Nam. Đây là vai trò của Nhà nước ở cấp trung ương và địa phương trong hình thành và phát triển CLKN.

- *Phạm vi nghiên cứu*

1) *Phạm vi về nội dung*: Trong phạm vi luận án chỉ đề cập đến 3 vai trò chủ đạo của Nhà nước đó là: vai trò nhà quản lý; vai trò nhà đầu tư và vai trò nhà trung gian kết nối.

2) *Phạm vi không gian*: Luận án nghiên cứu vai trò Nhà nước trong hình thành và phát triển các CLKN trong phạm vi cả nước. Trong đó, nghiên cứu sâu 2 CLKN tiềm năng là ngành dệt may trong KCN Phố Nối, Hưng Yên và làng nghề đồ gỗ truyền thống Thượng Mạo, Hà Đông.

3) *Phạm vi về thời gian*: Đánh giá thực trạng vai trò của Nhà nước từ năm 2010, các giải pháp đề xuất đến năm 2030.

1.2.3 Câu hỏi nghiên cứu

1) Với sự cần thiết hình thành và phát triển CLKN ở Việt Nam, Nhà nước cần có những vai trò như thế nào để đáp ứng và hỗ trợ được nhu cầu phát triển đó? 2) Những yếu tố ảnh hưởng đến vai trò của Nhà nước trong hỗ trợ hình thành và phát triển CLKN ở Việt Nam là gì? 3) Để đánh giá được vai trò của Nhà nước cụ thể trong hình thành và phát triển CLKN thì cần có những hệ thống tiêu chí đánh giá nào? 4) Những giải pháp đột phá nào trong tăng cường vai trò Nhà nước tới việc hình thành và phát triển CLKN ở Việt Nam trong thời gian tới?

1.2.4 Cách tiếp cận và khung phân tích

- *Cách tiếp cận của luận án*

Đề tài được thực hiện dưới góc độ tiếp cận Nhà nước từ vai trò với các hiện tượng, hoạt động trong nền kinh tế. Trước vấn đề thực tiễn về sự manh nha hình thành của CLKN tại các KCN và làng nghề Việt Nam, Nhà nước cần có những vai trò cụ thể nào giúp CLKN hình thành và phát triển tốt.

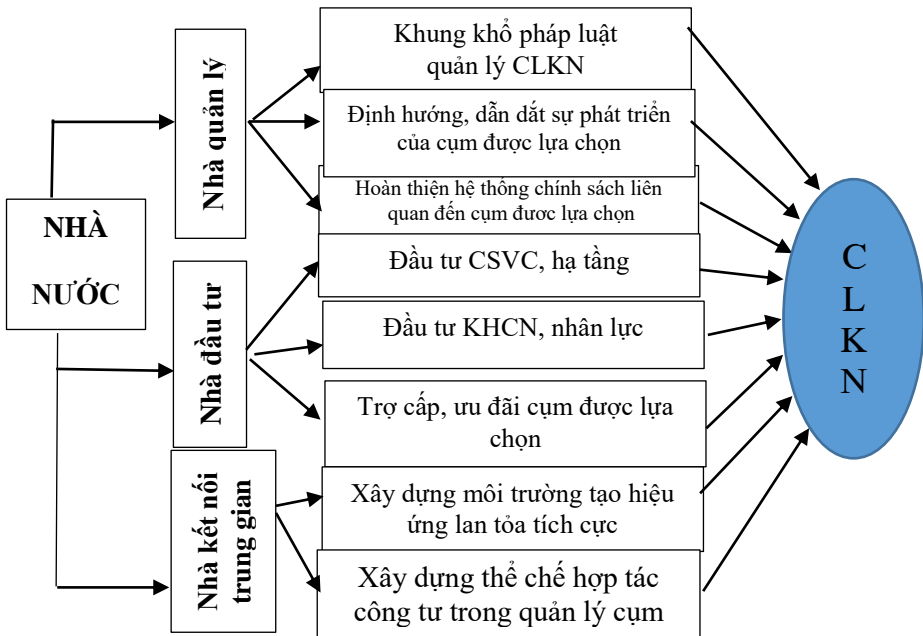
Luận án cần làm rõ nội hàm khái niệm CLKN trong mối quan hệ với các khái niệm có liên quan khác đã được giới nghiên cứu và các nhà hoạt động thực tiễn sử dụng. Những lý luận liên quan về sự cần thiết của vai trò của Nhà nước trong quản lý và phát triển một phạm trù kinh tế, cụ thể là CLKN được luận án nêu rõ.

Luận án tổng hợp các tài liệu tổng quan quốc tế và trong nước nhằm đưa ra được những bằng chứng cụ thể về sự cần thiết của vai trò Nhà nước trong

phát triển CLKN. Cách tiếp cận đầy đủ về vai trò của Nhà nước bao gồm chính sách Nhà nước ban hành và thực tiễn thực hiện.

Luận án xem xét thực trạng các cơ chế, chính sách liên quan đang phát huy hiệu quả như thế nào và cả các định chế quản lý CLKN với KCN Phố Nối và làng nghề đồ gỗ Thượng Mạo. Từ đây luận án đưa ra các giải pháp hoàn thiện vai trò của Nhà nước trong hỗ trợ hình thành CLKN trong thời gian tới.

- *Khung phân tích của luận án*



Hình 1-1: Khung phân tích của luận án

Nguồn: Tác giả tự biên soạn.

1.2.5. Phương pháp nghiên cứu

- *Phương pháp thu thập thông tin thứ cấp*

Để thực hiện luận án, NCS đã tập hợp các tài liệu nghiên cứu dưới nhiều dạng khác nhau như sách, báo cáo, tài liệu làm việc... Các tài liệu liên quan đến vai trò của Nhà nước, định nghĩa về CLKN, chính sách phát triển CLKN của các nước được NCS tập hợp lấy ý tưởng và chọn lọc trích dẫn trong luận

án. Các tài liệu nghiên cứu được trình bày trong phần tài liệu tham khảo của luận án.

- *Phương pháp thu thập thông tin sơ cấp*

- 1) *Chọn điểm điều tra thu thập thông tin*

Do điều kiện tính chất của DN và đặc trưng công việc của cán bộ địa phương, luận án sử dụng phương pháp chọn mẫu thuận tiện. Phương pháp này được sử dụng khảo sát một số DN và cán bộ quản lý địa phương trong ngành dệt may và đồ gỗ. Đây là số liệu điều tra của riêng luận án đã thực hiện tại KCN Phố Nối, Hưng Yên và làng nghề đồ gỗ Thượng Mạo, Hà Đông.

- 2) *Đối tượng và phương pháp điều tra thu thập thông tin*

- *Tại cụm dệt may Phố Nối, Hưng Yên:* NCS tới khảo sát thu thập thông tin tại 30 DN bằng phiếu (Phụ lục 4; Phụ lục 2).

- *Tại cụm làng nghề đồ gỗ Thượng Mạo, Hà Đông, TP. Hà Nội:* NCS đã đến phỏng vấn 20 hộ trong làng nghề bao gồm các hộ sản xuất, DN cung cấp nguyên liệu đầu vào, chủ tịch hiệp hội làng nghề (Phụ lục 2).

- 3) *Thời gian tổ chức điều tra thu thập thông tin*

Hoạt động thu thập thông tin được tiến hành từ tháng 06 năm 2018 đến tháng 10 năm 2019 và có bổ sung vào tháng 12 năm 2022.

- *Phương pháp phân tích thông tin, số liệu.*

Phương pháp nghiên cứu tại bàn; Phương pháp phân tích, tổng hợp; Phương pháp phân tích thống kê; phương pháp phân tích số liệu là LQ_{LD} và LQ_{QTSX} , phương pháp tính điểm đánh giá các tiêu chí theo thang đo likert 5 mức độ.

CHƯƠNG 2 - CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ KINH NGHIỆM QUỐC TẾ VỀ VAI TRÒ CỦA NHÀ NƯỚC TRONG HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CỤM LIÊN KẾT NGÀNH

2.1. Cơ sở lý luận về hình thành và phát triển cụm liên kết ngành

2.1.1 Các khái niệm

- *Khái niệm nguyên bản về CLKN của Alfred Marshall:* Khu, cụm ngành chính là sự địa phương hóa các DN nhỏ và tạo nên sự cần thiết của việc xây dựng CLKN để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế vùng.

- *Định nghĩa của Michael Porter*: CLKN là nơi tập trung về địa lý (quần tụ) của những công ty có liên kết với nhau, các nhà cung cấp chuyên môn hóa, các nhà cung cấp dịch vụ, công ty trong những ngành có liên quan, và các thể chế liên quan (như trường đại học, các cơ quan tiêu chuẩn và hiệp hội ngành hàng) cùng cạnh tranh nhưng cũng cùng hợp tác”.

- *Khái niệm của Merima Ali*: *Cụm tự nhiên*: Cụm tự nhiên được hình thành do sự tập trung của các hoạt động kinh tế dựa trên các lực lượng thị trường trong một thời gian dài. *Cụm do Nhà nước tạo ra*. Các cụm cũng có thể hình thành từ các chính sách của Nhà nước. Đó là các chính sách như hình thành CCN và khu chế xuất nhằm thu hút các ngành công nghiệp tới một vị trí nhất định.

- *Khái niệm của UNIDO*: “Cụm liên kết ngành là nơi tập trung về địa lý của các DN có mối liên kết lẫn nhau và các tổ chức có liên quan, cùng có chung các thử thách và cơ hội”.

- *Khái niệm về CLKN ở Việt Nam*: CLKN của CIEM và *Cụm tương hỗ* của Hoàng Sỹ Động.

- *Khái niệm của luận án*: “CLKN là những hình thức liên kết đa dạng giữa các đơn vị có liên quan hình thành nên hiện tượng quần tụ các hoạt động kinh tế. Các đơn vị này có mối quan hệ đa dạng theo một chuỗi giá trị nào đó trong hoạt động vừa hợp tác vừa cạnh tranh với nhau”.

2.1.2 Quá trình hình thành và phát triển cụm liên kết ngành

- *Cụm liên kết ngành xuất hiện dựa trên sự hình thành và tương tác của các yếu tố trong mô hình Kim cương*

Thứ nhất, Các điều kiện về nhân tố sản xuất thường được mô tả bằng những thuật ngữ rất rộng như đất, lao động, vốn, công nghệ và cơ sở hạ tầng; *Thứ hai*, Các điều kiện về cầu bao gồm nhu cầu trong và ngoài nước về sản phẩm và dịch vụ; *Thứ ba*, Các ngành CN hỗ trợ và có liên quan bao gồm các nhà cung ứng và phân phối hỗ trợ ngành và cụm; *Thứ tư*, Bối cảnh chiến lược và cạnh tranh của doanh nghiệp bao gồm những điều kiện ảnh hưởng tới việc tạo lập, tổ chức và quản lý doanh nghiệp và đặc điểm của các đối thủ trong nước.

Các nhân tố riêng lẻ trong mô hình kết hợp với nhau thành một hệ thống động. Hệ quả của hệ thống nhân tố là những ngành công nghiệp

cạnh tranh trong nước không lan tỏa đều khắp nền kinh tế mà liên hệ với nhau thông qua tổ hợp bao gồm các ngành liên quan dưới nhiều hình thức.

- *Ngoại ứng tổ hợp hóa thúc đẩy cải tiến và sáng tạo*

Quá trình cạnh tranh, tương tác lẫn nhau giữa các yếu tố trong hình thái của Micheal Porter được phân tích ở trên đem đến một ngoại ứng. Đó là những lợi ích tích tụ vượt ra khỏi một DN và lan ra cả nhóm DN trong một địa phương hay một quốc gia. Ngoại ứng sinh ra do sự lan tỏa công nghệ và ích lợi của chuyên môn hóa đem lại lợi ích cho một ngành công nghiệp lớn. Sức mạnh của ngoại ứng phụ thuộc vào khoảng cách địa lý. Điều kiện gần kề về địa lý là quan trọng để các DN, đơn vị cùng được hưởng lợi. Đây gọi là quá trình cụm hóa.

2.1.3 Những yếu tố ảnh hưởng đến sự hình thành và phát triển của cụm liên kết ngành

- *Sự vận động tương tác của các yếu tố trong mô hình Kim cương.*
- *CLKN được hình thành và phát triển nhờ vào cầu nội địa đủ lớn*
- *CLKN được hình thành nhờ vào một hay một số doanh nghiệp chủ chốt*
- *Sự xuất hiện của tầng lớp các doanh nghiệp trong cùng 1 lĩnh vực*
- *Những yếu tố khách quan tác động đến sự phát triển của CLKN*
 - *Các sự kiện khách quan.* Một số những sự kiện khách quan có ảnh hưởng đến sự hình thành và phát triển CLKN của một quốc gia là những phát minh về lý thuyết, những đột phá trong công nghệ cơ bản, chiến tranh, sự phát triển chính trị bên ngoài và sự chuyển hướng nhu cầu chính ở thị trường nước ngoài.
 - *Tính sáng tạo, tinh thần kinh doanh.* Quốc gia nào có được những cá nhân lỗi lạc hay xây dựng được những cộng đồng DN có tính sáng tạo, tinh thần kinh doanh cao cũng là những nhân tố quan trọng cho lợi thế cạnh tranh của quốc gia đó.
 - *Chính phủ.* Chính phủ có vai trò tác động lên tất cả các yếu tố trong mô hình kim cương.

2.2 Cơ sở lý luận về Vai trò Nhà nước trong hình thành và phát triển cụm liên kết ngành

2.2.1 Một số lý luận về vai trò của Nhà nước trong hình thành và phát triển cụm liên kết ngành

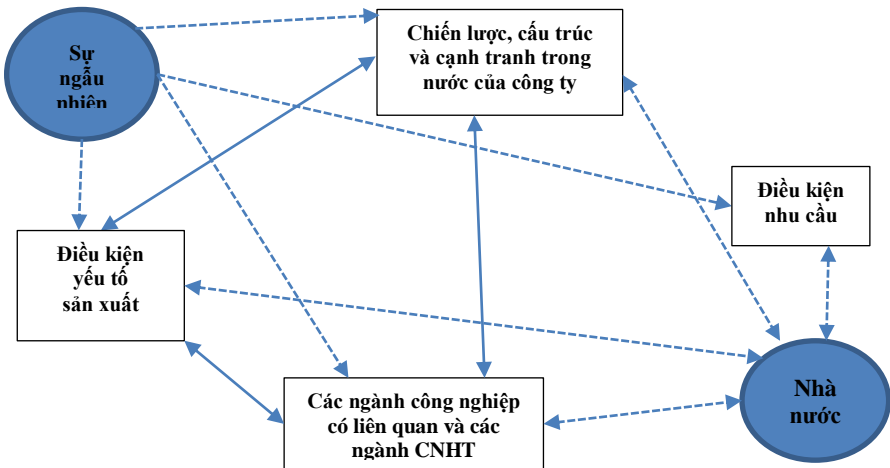
- Lý luận về vai trò của Nhà nước trong nền kinh tế thị trường

Quan điểm của trường phái Tân cổ điển: Nền kinh tế thị trường là một hệ thống mang tính ổn định, mà sự ổn định bên trong là thuộc tính vốn có chứ không phải sự sắp đặt của Nhà nước.

Lý thuyết của Keynes: Keynes khẳng định vai trò của Nhà Nước trong khủng hoảng, thất nghiệp và suy thoái là cần thiết.

Quan điểm của P.A Samuelson về vai trò của chính phủ trong nền kinh tế thị trường: Thứ nhất, thiết lập khuôn khổ pháp luật; Thứ hai, sửa chữa những thất bại của thị trường, khắc phục khuyết tật để thị trường hoạt động hiệu quả hơn; Thứ ba, đảm bảo sự công bằng; Thứ tư, ổn định kinh tế vĩ mô.

- Lý luận về vai trò của Nhà nước với việc hình thành và phát triển cụm liên kết ngành



Hình 2-4 : Vai trò của Nhà nước với 4 yếu tố trong mô hình kim cương

Nguồn: Michael Porter (1998).

- *Vai trò của chính quyền địa phương trong hình thành và phát triển cụm liên kết ngành*

Theo Marco Dini, UNIDO, chính quyền địa phương có những vai trò sau trong hỗ trợ hình thành và phát triển cụm: Hỗ trợ các cụm tiếp cận các nguồn lực và nhân tố sản xuất trong phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh; khuyến khích hoạt động hợp tác, phối hợp trong các cụm; phối hợp triển khai đồng bộ các chính sách có liên quan nhằm hỗ trợ, nuôi dưỡng các sáng kiến hình thành cụm; xóa và loại bỏ những thể chế cản trở, trì hoãn sự hình thành và phát triển CLKN; phối hợp hình thành vùng kinh tế.

2.2.2 Các vai trò chủ đạo của Nhà nước trong hình thành và phát triển cụm liên kết ngành

1) Vai trò nhà quản lý

i) Xây dựng khung khổ pháp luật quản lý CLKN. CLKN là một đối tượng quản lý trong nền kinh tế, vì vậy cần phải xác định cụ thể đối tượng này gồm những tổ chức nào; đưa ra các tiêu chí xác định CLKN. *ii) Định hướng, dẫn dắt sự phát triển của CLKN được lựa chọn.* Nguồn lực là có hạn và mỗi nước cần xây dựng lợi thế cạnh tranh quốc gia của riêng mình. Do vậy, các chính sách công nghiệp cần xây dựng nhắm mục tiêu vào các ngành được lựa chọn và can thiệp qua trợ cấp, ưu đãi và đầu tư để thúc đẩy sự phát triển. *iii) Nhà nước cần xây dựng và hoàn thiện hệ thống chính sách liên quan đến CLKN được lựa chọn để phát triển.* Yêu cầu của một hệ thống chính sách đồng bộ là rất quan trọng đối với sự phát triển của 1 ngành vì các chính sách có liên quan đến nhau một cách chặt chẽ.

2) Vai trò nhà đầu tư

i) Khái niệm đầu tư công trong cụm liên kết ngành: Là các khoản đầu tư nhằm hỗ trợ phát triển các nền tảng kinh tế một cách có trọng tâm nhằm khuyến khích các lực lượng tham gia trong hình thành và phát triển CLKN đạt đến mức độ đủ lớn có thể thu hút được đầu tư tư nhân và các đối tượng khác sau đó Nhà nước sẽ rút lui khi cần thiết. Luận án gọi tên là “đầu tư môi” trong phát triển CLKN. *ii) Một số hoạt động đầu tư công cụ thể với cụm liên kết ngành:* Đầu tư nền tảng kinh tế như cơ sở vật chất, hạ tầng có trọng tâm cho CLKN; đầu tư cơ sở hạ tầng kinh tế mềm như khoa học công nghệ, nguồn nhân lực chất lượng cao cho các cụm; trợ cấp nhằm tăng cường lợi thế cạnh tranh cho CLKN được lựa chọn.

3) Vai trò nhà trung gian kết nối

i) *Xây dựng môi trường tích cực tạo hiệu ứng lan tỏa tích cực trong CLKN; ii) Xây dựng thể chế hợp tác công tư trong quản lý CLKN.*

2.2.3 Các tiêu chí đánh giá vai trò của Nhà nước trong hình thành và phát triển cụm liên kết ngành: Tính kịp thời; Tính đầy đủ; Tính hiệu quả; Tính công khai, minh bạch; Tính tuân thủ pháp luật.

2.2.4 Các yếu tố ảnh hưởng đến vai trò của Nhà nước trong hình thành và phát triển cụm liên kết ngành

- *Các nhân tố khách quan:* Tái cơ cấu chuỗi cung ứng của các tập đoàn quốc tế, chính sách hội nhập kinh tế quốc tế sâu rộng; Cách mạng Công nghiệp 4.0; Dịch bệnh.
- *Các nhân tố chủ quan:* Hệ thống chính sách đồng bộ của Nhà nước trong quản lý nền kinh tế; nhận thức, năng lực của người hoạch định chính sách; năng lực bộ máy Nhà nước trong triển khai các chính sách phát triển kinh tế.

2.3 Kinh nghiệm của Trung Quốc và Nhật Bản trong việc xác định và phát huy vai trò của Nhà nước trong hình thành và phát triển cụm liên kết ngành

2.3.1 Kinh nghiệm của Trung Quốc

- *Vai trò nhà quản lý trong hình thành khuôn khổ pháp luật:* Định hướng phát triển CLKN ở Trung Quốc; chính sách cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương về định hướng phát triển CLKN; xây dựng hệ thống đổi mới quốc gia, nâng cao năng suất dựa trên KH&CN.
- *Vai trò nhà đầu tư:* Từ năm 1980 đến năm 1983, Trung Quốc đã đầu tư khoảng 1.9 tỷ NDT vào việc xây dựng các công trình ở Thẩm Quyển. Chính quyền địa phương đưa ra một số chính sách ưu đãi bao gồm thuế thuê đất, ưu đãi tín dụng và ưu đãi về thuế. Chính phủ Trung Quốc đã đầu tư cho nghiên cứu ứng dụng và mua bằng sáng chế cao hơn so với đầu tư cho nghiên cứu cơ bản.
- *Vai trò nhà trung gian kết nối:* Thực hiện cải cách trong chính sách đất đai để cho các nhà đầu tư nước ngoài thuê đất với thời hạn 20-50 năm và gia hạn; các chính sách ưu đãi đầu tư và giao quyền tự trị về thể chế; đầu tư từ cộng đồng gốc Hoa ở Hồng Kong, Macao và Đài Loan; tiếp thu công

nghệ, sáng tạo và mối liên kết chặt chẽ với nền kinh tế nội địa và thuận lợi về mặt vị trí địa lý... Chính sách thúc đẩy quan hệ liên kết giữa các DN nước ngoài với các DN nội địa trong các ngành KH&CN tiên tiến.

2.3.2 Kinh nghiệm của Nhật Bản

- *Vai trò nhà quản lý trong hình thành khuôn khổ pháp luật:* Đã xây dựng được hệ thống luật pháp như: Năm 1962, Kế hoạch phát triển tổng thể quốc gia; Luật công nghệ cao (1983) và Kế hoạch hành động thúc đẩy khu công nghiệp công nghệ cao (1983-1998); Chỉ thị về xây dựng các vùng công nghiệp lớn (1988-1998) đã giúp xây dựng và tạo ra các DN, cụm công nghệ cao mới. Luật Thúc đẩy hình thành loại hình kinh doanh mới (1998-2005); Luật thúc đẩy hoạt động của các DNNVV mới (2005). Những khung khổ pháp lý trên đã tạo điều kiện cho các doanh nghiệp phát triển và tạo tiền đề vững chắc cho việc triển khai các chương trình xây dựng CLKN.

Các giai đoạn của chính sách phát triển CCN: Giai đoạn 1 (2001-2005); Giai đoạn 2 (2006-2010); Giai đoạn 3 (2011-2020) .

Xây dựng, kiện toàn các định chế quản lý và thúc đẩy hoạt động CLKN bao gồm: chức năng của Bộ Kinh tế, Thương mại và Công nghiệp (METI); xây dựng hệ thống tổ chức xúc tiến hình thành và thúc đẩy các dự án CLKN; xây dựng hội đồng điều phối CLKN cấp địa phương.

- *Vai trò nhà đầu tư:* Giai đoạn 1, Nhà nước có trợ cấp cụ thể và trực tiếp cho 19 dự án CLKN trên toàn lãnh thổ. Tổng số tiền ngân sách chi cho các dự án trên là 110 tỷ yên Nhật. Các hoạt động đầu tư bao gồm: Hỗ trợ đầu tư cho nghiên cứu và phát triển; hỗ trợ đầu tư hình thành mạng lưới các doanh nghiệp; tài trợ cho các tổ chức xúc tiến CLKN, JETRO.

- *Vai trò nhà trung gian kết nối:* Giai đoạn 1 từ 2001-2005: Xây dựng một môi trường kinh doanh khuyến khích các bên dễ dàng kết nối, hình thành mạng lưới. Giai đoạn 2 từ 2006 đến 2010: Định hướng chính sách của Chính phủ giai đoạn này không đi vào gán kết, kết nối các thành viên trong CLKN mà chuyển sang hoàn thiện thể chế để các bên tự tương tác, trao đổi.

2.3.3 Một số bài học cho việc hoàn thiện vai trò của Nhà nước trong hình thành và phát triển cụm liên kết ngành ở Việt Nam.

- *Bài học cho hoàn thiện vai trò nhà quản lý:* Cần có sự vào cuộc của Nhà nước các cấp trong xây dựng chính sách phát triển CLKN; cả 2 nước đều

có chính sách rõ ràng về sự cần thiết phải hình thành các CLKN gắn với lợi thế cạnh tranh của quốc gia. Cần xây dựng được hệ thống chính sách đồng bộ trong phát triển CLKN từ chính sách thu hút đầu tư cho tới chính sách phát triển DN, KH&CN.

- *Bài học cho hoàn thiện vai trò nhà đầu tư:* Cần dành nguồn lực cho phát triển CLKN từ các góc độ khác nhau như cơ sở vật chất hạ tầng tới khoa học công nghệ, giáo dục, xây dựng đội ngũ nhân lực cho cụm; cả Trung Quốc và Nhật Bản đều dành những nguồn trợ cấp lớn về KH&CN tạo điều kiện dẫn dắt các DN gia nhập ngành.

- *Bài học cho hoàn thiện vai trò nhà trung gian kết nối:* Nhà nước cần tham gia trong xây dựng được môi trường tạo hiệu ứng lan tỏa tích cực trong CLKN; Nhà nước cần thúc đẩy cơ chế hợp tác công tư trong phát triển CLKN.

CHƯƠNG 3 - THỰC TRẠNG VAI TRÒ NHÀ NƯỚC TRONG HÌNH THÀNH PHÁT TRIỂN CỤM LIÊN KẾT NGÀNH: TRƯỜNG HỢP NGÀNH DỆT MAY VÀ ĐÓ GỖ

3.1 Khái quát thực trạng hình thành và phát triển cụm liên kết ngành ở Việt Nam

3.1.1 Khái quát thực trạng hình thành và phát triển cụm liên kết ngành ở Việt Nam

- *Thực trạng hình thành và phát triển.* Hiện ở Việt Nam các CLKN đang manh nha tồn tại, phát triển ở một số dạng: Các làng nghề truyền thống và các CLKN tiềm năng trong các khu công nghiệp.

- *Tiềm năng phát triển cụm liên kết ngành ở Việt Nam.*

Kết quả của cả 2 chỉ số LQ_{LD} và LQ_{GTSX} các vùng trong cả nước cho thấy sự tập trung lao động và quy mô sản xuất vào các ngành có lợi thế cạnh tranh tự nhiên của vùng đó là chính. Ngành chế biến thực phẩm tập trung ở vùng ĐBSH và ĐBSCL, chế biến đồ uống có lợi thế ở các vùng trù Tây Nguyên và ĐBSH; Ngành dệt may tập trung ở khu vực ĐBSH và Đông Nam bộ nơi có nhiều KCN, KCX; Ngành chế biến đồ gỗ tập trung ở các tỉnh miền núi phía Bắc; Vùng duyên hải miền Trung có lợi thế về SX, chế biến các sản phẩm kim loại. Ngành điện tử, thiết bị điện, dược phẩm và nhiều ngành khác tập trung chủ yếu ở vùng ĐBSH và Đông Nam bộ. Có thể nói đây là 2 vùng tập trung số lượng lao động và có quy mô hoạt động sản xuất lớn nhất có khả năng tích tụ công nghiệp cao nhất Việt Nam hiện nay.

3.1.2 Thực trạng tiềm năng hình thành và phát triển cụm liên kết ngành dệt may và đồ gỗ

Phân tích dựa trên chỉ số LQ_{LD} về tiềm năng hình thành CLKN dệt may ở Phố Nối Hưng Yên và tiềm năng phát triển CLKN làng nghề đồ gỗ Thượng Mạo, Hà Đông.

3.2 Thực trạng vai trò Nhà nước trong hình thành và phát triển cụm liên kết ngành ở Việt Nam: Trường hợp ngành dệt may và đồ gỗ

3.2.1 Vai trò nhà quản lý

- *Thực trạng khuôn khổ pháp luật quản lý cụm liên kết ngành*

i) *Những văn bản có bao gồm định nghĩa, khái niệm liên quan đến cụm liên kết ngành:* Đã có một số định nghĩa về CLKN liên quan đến phạm vi văn bản quản lý.

ii) *Những văn bản có định nghĩa và xác định các chủ thể, liên kết trong CLKN:* Còn thiếu và chưa đồng bộ, chưa đầy đủ các văn bản quản lý Nhà nước về nhận diện CLKN trong thực tiễn hoạt động kinh tế.

iii) *Thực trạng xác định các dạng kết nối trong CLKN.* Chưa xác định được đầy đủ các chủ thể tham gia CLKN và các dạng liên kết; thiếu tiêu chí xác định CLKN.

iv) *Thực trạng trong CLKN dệt may và làng nghề đồ gỗ.* Mặc dù CLKN là một thực thể pháp lý có định nghĩa chung theo thông lệ quốc tế nhưng đa dạng về phân loại tùy theo ngành nghề, lĩnh vực. CLKN dệt may là một mô hình lớn đa dạng các loại hình DN tham gia tạo thành một hệ thống từ trồng trọt, dệt, nhuộm, sấy, may... trong khi mô hình kinh tế làng nghề với các hộ gia đình lại nhỏ hơn rất nhiều. Vì vậy, cần thiết phải có định nghĩa cùng với mục tiêu phát triển CLKN riêng cho từng loại.

- *Thực trạng định hướng, dẫn dắt sự phát triển của CLKN lựa chọn*

i) *Thực trạng văn bản định hướng lựa chọn CLKN phát triển.* Nhà nước mới dừng ở việc lựa chọn một số ngành để ưu tiên phát triển chứ chưa chọn cụ thể phát triển CLKN nào. Đây mới là những định hướng hết sức sơ khai chưa tạo nền tảng cho việc ra đời các hệ thống chính sách phát triển CLKN.

ii) *Thực trạng trong ngành dệt may.* Hiện chưa có khung chính sách riêng cho CLKN dệt may mà mới chỉ có chính sách cho ngành dệt may nên không thể đánh giá hiệu quả các chính sách CLKN. Kết quả khảo sát của luận

án cho thấy, một số ưu đãi cho ngành thực hiện được ở mức thấp vì còn vướng nhiều các quy định khác nên khó thực hiện được trên thực tiễn.

3.2.2 Vai trò nhà đầu tư

- *Đầu tư cơ sở vật chất hạ tầng cho cụm liên kết ngành*

i) *Thực trạng đầu tư cơ sở vật chất hạ tầng cho cụm liên kết ngành.* Đã có một số văn bản cấp đất cho các KCN hình thành CLKN nhưng do cách hiểu CLKN chưa đúng nên chưa triển khai được trên thực tiễn.

ii) *Thực trạng đầu tư cơ sở vật chất hạ tầng cho CLKN dệt may và đồ gỗ.*

Với CLKN dệt may:

Thực trạng đầu tư vùng trồng bông nguyên liệu: còn manh mún và chưa hiệu quả.

Thực trạng đầu tư cơ sở hạ tầng khu công nghiệp dệt may, thực trạng chính sách đầu tư cơ sở hạ tầng vật chất cho các KCN dệt may trên cho thấy tất cả mới chỉ là định hướng chưa có chế tài, quy định cụ thể triển khai trên thực tiễn.

Thực tiễn tại KCN Phố Nối, Hưng Yên, tỉnh đã có Quy hoạch cụ thể về phát triển các KCN Dệt may để thu hút các DN dệt may về hoạt động trên địa bàn. KCN đã xây dựng được hệ thống cơ sở vật chất hạ tầng ổn định ban đầu phù hợp cho các DN dệt may.

Với CLKN làng nghề đồ gỗ:

Thực trạng đầu tư phát triển vùng nguyên liệu gỗ đã có nhiều kết quả tốt trên thực tiễn. Thực trạng đầu tư cơ sở hạ tầng cho các làng nghề và ở Thượng Mạo: nhiều chính sách, ưu đãi cho phát triển CCN làng nghề đã ban hành nhưng còn chung chung chưa có chế tài thực hiện cụ thể hoặc còn nhiều vướng mắc nên kết quả còn hạn chế.

- *Đầu tư cơ sở hạ tầng kinh tế mềm như khoa học công nghệ, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao cho CLKN*

i) *Đầu tư khoa học công nghệ, nguồn nhân lực chất lượng cao cho phát triển CLKN ở Việt Nam, nội dung này được thể hiện trong Nghị định số 80/2021/NĐ-CP của Chính phủ ngày 26/08/2021 có quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hỗ trợ DNNVV.*

ii) Thực tiễn đầu tư KH&CN, nguồn nhân lực chất lượng cao cho phát triển CLKN dệt may và đồ gỗ. Với ngành dệt may: Trong chiến lược phát triển ngành dệt may mới nhất, không có hạng mục đầu tư cụ thể của Nhà nước về lĩnh vực này. Tại CLKN dệt may Phố Nối: Vinatex xây dựng và đầu tư một trung tâm xử lý nước thải với tổng vốn 87 tỷ đồng, công suất xử lý 10.000 m³/ngày đêm. Với làng nghề đồ gỗ: quận thực hiện được 1 số hoạt động.

- *Thực trạng trợ cấp, ưu đãi nhằm phát triển lợi thế cạnh tranh cho CLKN được lựa chọn.*

Hiện tại, Nhà nước chưa đưa ra quan điểm hay có chỉ đạo cụ thể về ưu tiên phát triển CLKN nào nên chưa có những hạng mục cụ thể về ưu đãi, trợ cấp nhằm tăng lợi thế cạnh tranh cho CLKN được lựa chọn.

3.2.3 Vai trò nhà trung gian kết nối

- *Thực trạng xây dựng môi trường lan tỏa tích cực*

i) Thực trạng văn bản về xây dựng môi trường lan tỏa tích cực cho các CLKN: Nghị định số 80/2021/NĐ-CP của Chính phủ ngày 26/08/2021 có đưa ra những hỗ trợ của Nhà nước thúc đẩy các liên kết giữa các đối tác CLKN. Những liên kết thể hiện trong ứng dụng KH&CN và các nguồn lực khác của doanh nghiệp.

ii) Thực trạng xây dựng quan hệ kết nối theo hướng hình thành CLKN tại KCN Phố Nối và làng nghề đồ gỗ Thượng Mạo. Với KCN Phố Nối, Hưng Yên: Hoạt động phối hợp mới dừng lại ở mức là các diễn đàn giao lưu giữa các đơn vị gần kề tham gia các vấn đề chung của KCN như cơ sở hạ tầng, nhân sự, hệ thống xử lý nước thải. Trong KCN chưa thấy vai trò kết nối của các nhân viên tư vấn CLKN. Với làng nghề đồ gỗ: Các hộ tự tìm đến nhau phối hợp và triển khai hoạt động.

- *Thực trạng Nhà nước xây dựng, tham gia các diễn đàn hợp tác công tư trong phát triển CLKN*

i) Một số định hướng chung: Các văn bản định hướng từ nghị quyết tới chiến lược, quy hoạch đã bắt đầu có những định hướng rất mở về việc phối hợp công tư trong tìm kiếm nguồn lực phát triển công nghiệp. Vai trò của các hiệp hội đã bắt đầu được đề cao trong kết nối giữa Nhà nước và DN trong giải quyết các vấn đề chung.

ii) Thực tiễn tại KCN Phố Nối và làng nghề đồ gỗ: Số liệu khảo sát cho thấy thực tiễn triển khai tại địa phương về xây dựng những diễn đàn, cơ chế

hoạt động đàm phán giữa các đối tác CLKN là chưa có mà mới chỉ có hoạt động phân cấp từ trên xuống trong quản lý.

3.3 Đánh giá chung về vai trò của Nhà nước trong hình thành và phát triển cụm liên kết ngành

3.3.1 Những kết quả đạt được. Nhà nước đã bước đầu có nhận thức về việc cần thiết phải xây dựng CLKN; Nhà nước đã có khung chính sách tạo nền tảng chung cho phát triển kinh tế; Nhà nước đã đầu tư được những nền tảng cơ sở hạ tầng cứng và mềm tạo điều kiện ban đầu cho việc hình thành CLKN; hỗ trợ phát triển một số thị trường khu vực và thế giới.

3.3.2 Những tồn tại hạn chế

- *Hạn chế trong vai trò nhà quản lý.* Chưa xác định được định nghĩa CLKN và các đối tác một cách đầy đủ theo mục tiêu phát triển riêng của Việt Nam; Nhà nước chưa có khung pháp luật riêng cho phát triển CLKN; chưa có hệ thống chính sách đồng bộ về CLKN để triển khai trên thực tiễn; thiếu định chế quản lý CLKN.

- *Hạn chế trong vai trò nhà đầu tư.* Nhà nước chưa có các chính sách đầu tư, ưu đãi riêng cho CLKN định hướng phát triển; nhiều chính sách, hạng mục đầu tư của Nhà nước cho các ngành đã triển khai nhưng chưa hình thành được CLKN đúng nghĩa.

- *Hạn chế trong vai trò nhà kết nối trung gian.* Chưa thúc đẩy được đầy đủ các loại hình liên kết tham gia CLKN; mạng lưới tư vấn viên kết nối, thúc đẩy quan hệ kết nối hình thành CLKN hoạt động chưa hiệu quả.

3.3.3 Nguyên nhân của những bất cập, hạn chế

1) Thiếu khung khổ pháp luật riêng quản lý CLKN; 2) Thiếu nhận thức về CLKN trong các ban, ngành; 3) Chưa đặt đúng tầm quan trọng của phát triển CLKN trong phát triển kinh tế. 4) Thiếu chuyên nghiệp trong hoạch định, triển khai, đánh giá hiệu quả chính sách; 5) Nguyên nhân đến từ việc thực thi pháp luật chưa hiệu quả; 6) Sự phối hợp các bộ, ban ngành trong giải quyết các vấn đề chung còn chậm, chưa đáp ứng được nhu cầu của thực tiễn khách quan; 7) Chưa đặt đúng tầm quan trọng của chính quyền địa phương trong phối hợp triển khai chính sách CLKN; 8) Chưa có cơ chế triển khai đội ngũ tư vấn viên kết nối phát triển CLKN.

CHƯƠNG 4 - PHƯƠNG HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN VAI TRÒ CỦA NHÀ NƯỚC NHẪM THÚC ĐẨY HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CỤM LIÊN KẾT NGÀNH ĐẾN NĂM 2030

4.1. Bối cảnh, quan điểm và phương hướng hoàn thiện vai trò của Nhà nước trong hình thành và phát triển cụm liên kết ngành đến năm 2030

4.1.1 Bối cảnh liên quan đến hoàn thiện vai trò của Nhà nước trong hình thành và phát triển cụm liên kết ngành đến năm 2030

- *Bối cảnh quốc tế*

Những nước có nền KH&CN tiên tiến nắm giữ những công nghệ then chốt có giá trị cao nhất và các quốc gia khác với lợi thế riêng của mình sẽ tham gia vào các khâu trong chuỗi giá trị.

- *Bối cảnh trong nước*

Định hướng phát triển CLKN ở Việt Nam: Văn kiện Đại hội XIII yêu cầu phải thực hiện đổi mới mô hình tăng trưởng mạnh mẽ hơn. Theo đó, chuyển mạnh nền kinh tế sang mô hình dựa trên cơ sở tăng năng suất, tiến bộ KH&CN, đổi mới sáng tạo, nhân lực chất lượng cao, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả các nguồn lực để nâng cao chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế.

Định hướng đổi mới vai trò của Nhà nước: Việt Nam là Nhà nước xã hội chủ nghĩa đang chuyển đổi sang mô hình Nhà nước kiến tạo để phù hợp với vai trò của thị trường trong dẫn dắt nền kinh tế.

4.1.2 Mục tiêu và phương hướng hoàn thiện vai trò của Nhà nước nhằm thúc đẩy hình thành và phát triển cụm liên kết ngành ở Việt Nam

- Mục tiêu hoàn thiện vai trò của Nhà nước trong hình thành và phát triển CLKN: *“Hình thành và phát triển CLKN là nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh công nghiệp của Việt Nam thông qua phát triển nội lực đội ngũ DN nội địa trong sản xuất, kinh doanh để thúc đẩy quá trình tham gia vào mạng lưới sản xuất khu vực cũng như chuỗi giá trị toàn cầu qua một số chuỗi giá trị lớn”*.

- Phương hướng hoàn thiện vai trò của Nhà nước trong hình thành và phát triển CLKN: *Thứ nhất*, Nhà nước phải hoàn thiện năng lực nội tại để đáp ứng đòi hỏi của bối cảnh nền kinh tế và thị trường; *Thứ hai*, Nhà nước cần sớm xác định chuỗi giá trị, cụm ngành tiềm năng lớn gắn với lợi thế cạnh tranh quốc gia để có thể thể hiện vai trò tác động trực tiếp của mình một cách tốt

nhất tới việc hình thành và phát triển CLKN; *thứ ba*, cần đề cao vai trò của Nhà nước địa phương trong đề xuất, thiết kế lộ trình chính sách quản lý, ưu đãi, đầu tư cho CLKN.

- Phương hướng hoàn thiện năng lực hoạch định, triển khai, đánh giá hiệu quả thực thi pháp luật của Nhà nước: i) Nâng cao tính chuyên nghiệp trong hoạch định, xây dựng chính sách: Hoàn thiện năng lực xây dựng chính sách; Nâng cao trình độ làm luật, soạn thảo, ban hành chính sách; ii) Kiểm soát tốt quá trình triển khai, nâng cao năng lực thực thi pháp luật: Tăng cường năng lực của bộ máy tư pháp; Hoàn thiện thể chế pháp luật về quản lý thực thi pháp luật ở các cấp; iii) Triển khai đánh giá hiệu quả thực thi pháp luật; iv) Nâng cao sự phối hợp giữa các ban, ngành từ trung ương tới địa phương nhằm tăng hiệu quả thực thi pháp luật.

4.2. Giải pháp hoàn thiện vai trò Nhà nước nhằm thúc đẩy hình thành và phát triển cụm liên kết ngành đến năm 2030

4.2.1 Giải pháp hoàn thiện vai trò nhà quản lý của Nhà nước trong hình thành và phát triển cụm liên kết ngành

- *Hoàn thiện khung khổ, chính sách pháp luật về CLKN.* Thống nhất khái niệm, nội hàm, tiêu chí nhận diện CLKN; Thống nhất tuyên truyền phổ biến, thể chế hóa khái niệm về CLKN trong các văn bản của Nhà nước; Xây dựng lộ trình, chiến lược phát triển CLKN; Xây dựng hệ thống chính sách đồng bộ trong hình thành và phát triển CLKN.

- *Hoàn thiện khung khổ, chính sách pháp luật về cụm liên kết ngành.* Xây dựng và hoàn thiện khung chính sách lựa chọn ngành phát triển thành CLKN; kiện toàn hệ thống chính sách pháp luật liên quan đến CLKN được lựa chọn.

- *Phân cấp chính quyền địa phương chủ động xây dựng thể chế quản lý cụm và quản lý nguồn lực phát triển CLKN tại địa phương.* Địa phương là cấp phù hợp nhất để triển khai các hoạt động cụ thể cho các CLKN trong mối quan hệ phối hợp với cấp trung ương về quản lý CLKN.

4.2.2 Giải pháp hoàn thiện vai trò nhà đầu tư trong hình thành và phát triển cụm liên kết ngành

Để hoàn thiện được vai trò này, trong thời gian tới Nhà nước cần phải thực hiện một số công việc sau: Xây dựng cơ chế ưu đãi cho các ngành được lựa chọn phát triển; hoàn thiện các điều kiện, quy định để đảm bảo hiệu quả

chính sách đầu tư; nâng cao vai trò chính quyền địa phương trong triển khai chính sách ưu đãi, hỗ trợ cho cụm được lựa chọn phát triển.

4.2.3 Giải pháp hoàn thiện vai trò nhà trung gian kết nối trong hình thành và phát triển cụm liên kết ngành

Để hoàn thiện được vai trò này, trong thời gian tới Nhà nước cần phải thực hiện một số công việc sau: Xây dựng các chính sách, ưu đãi hỗ trợ phát triển liên kết giữa các đối tác CLKN; chính quyền địa phương được giao quyền chủ động trong xây dựng, thực hiện các chương trình thúc đẩy liên kết các đối tác trong CLKN.

4.3 Nhóm giải pháp hoàn thiện vai trò của Nhà nước nhằm thúc đẩy hình thành và phát triển cụm liên kết ngành dệt may và cụm làng nghề đồ gỗ

4.3.1 Nhóm giải pháp hoàn thiện vai trò Nhà nước nhằm thúc đẩy hình thành và phát triển cụm liên kết ngành dệt may

- *Giải pháp hoàn thiện vai trò nhà quản lý:* i) Hình thành mục tiêu xây dựng CLKN dệt may; ii) Hình thành khuôn khổ pháp luật phù hợp cho hình thành và phát triển CLKN dệt may. iii) Xây dựng chiến lược tổng thể hình thành và phát triển CLKN dệt may.

- *Giải pháp hoàn thiện vai trò nhà đầu tư:* Ban hành những ưu đãi cụ thể thúc đẩy hình thành CLKN dệt may.

- *Giải pháp hoàn thiện vai trò nhà trung gian kết nối:* i) Chính quyền địa phương phối hợp với các đối tác CLKN hình thành các chương trình R&D phối hợp và chuyển giao công nghệ; ii) Triển khai hoạt động của các tổ chức dịch vụ kết nối; iii) Cơ chế hoạt động của các DN công nghệ tạo nguồn.

4.3.2 Nhóm giải pháp hoàn thiện vai trò Nhà nước nhằm thúc đẩy hình thành và phát triển cụm liên kết ngành làng nghề đồ gỗ

- *Giải pháp hoàn thiện vai trò nhà quản lý:* i) Xây dựng chiến lược CLKN cho làng nghề; ii) Tuyên truyền nhận thức về CLKN đến cấp xã phường; iii) Chính quyền địa phương cấp quận, huyện chịu trách nhiệm quản lý và xây dựng các chương trình phát triển CLKN làng nghề.

- *Giải pháp hoàn thiện vai trò nhà đầu tư:* i) Đầu tư cơ sở vật chất, hạ tầng cho các khu, cụm công nghiệp làng nghề; ii) Đầu tư đào tạo và phát triển nguồn nhân lực theo hướng chuyên môn hóa hoạt động của các làng nghề. iii) Tạo ra các chính sách ưu đãi và hỗ trợ tài chính cho các bên tham gia.

- *Giải pháp hoàn thiện vai trò nhà trung gian kết nối:* i) Xây dựng cơ chế phối hợp các bên trong giải quyết các vấn đề của CLKN làng nghề; ii) Chính quyền địa phương xây dựng các chương trình chung.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Kết luận

Luận án làm rõ các lý luận về quá trình hình thành và phát triển CLKN, kết quả cho thấy: CLKN có gắn bó mật thiết với việc hình thành lợi thế cạnh tranh quốc gia. Nhà nước có tác động tới tất cả các nhân tố của lợi thế cạnh tranh quốc gia. CLKN là ngoại ứng tổ hợp hóa khi xuất hiện các nhân tố này và các nhân tố trong mô hình kim cương tương tác, cộng sinh lẫn nhau. Sự tương tác giữa 4 yếu tố trong mô hình kim cương giúp hình thành ngoại ứng tổ hợp hóa nêu trên. Luận án nghiên cứu vai trò trực tiếp của Nhà nước với CLKN - đối tượng quản lý trong nền kinh tế bao gồm vai trò nhà quản lý, nhà đầu tư và nhà trung gian kết nối các đối tác cụm. Những vai trò này được NCS xây dựng thành khung phân tích và các tiêu chí đánh giá cụ thể.

Luận án đã đánh giá thực trạng tiềm năng CLKN ở Việt Nam cũng như tiềm năng của hai CLKN được lựa chọn nghiên cứu là dệt may và làng nghề đồ gỗ. Các văn bản chính sách trong thời gian gần đây thể hiện ba vai trò nói trên được tác giả luận án tổng hợp và phân tích cụ thể từ góc độ chung với CLKN cho tới hai trường hợp nghiên cứu là dệt may và làng nghề đồ gỗ.

Luận án đã phân tích, đánh giá những hạn chế và nguyên nhân của vai trò Nhà nước với việc hình thành và phát triển CLKN ở Việt Nam trong thời gian qua và đưa ra giải pháp hoàn thiện vai trò của Nhà nước nhằm thúc đẩy hình thành và phát triển CLKN ở Việt Nam.

Để làm được như vậy, trước hết Nhà nước cần hoàn thiện nội lực của mình qua nâng cao năng lực soạn thảo, ban hành các văn bản pháp luật, đảm bảo khả năng thực thi của pháp luật được triển khai tốt trên thực tế. Năng lực này được thể hiện qua nâng cao trình độ làm luật, soạn thảo, ban hành chính sách và tăng cường sự phối hợp của các bộ, ngành từ trung ương đến địa phương trong triển khai, thực thi pháp luật.

- Luận án cũng đề xuất nâng cao tầm quan trọng của chính quyền địa phương trong phát triển CLKN bao gồm: Nắm vai trò quản lý chính các cụm trên địa bàn nhằm hỗ trợ hình thành và phát triển CLKN; chủ động xây dựng

thể chế quản lý CLKN tại địa phương và quản lý nguồn lực xây dựng cụm.

- Thực tiễn phân tích vai trò của Nhà nước trong hai ngành dệt may và làng nghề đồ gỗ cho thấy. Với mỗi đối tượng trong nền kinh tế, Nhà nước cần thiết có những định hướng, phân tích riêng để phát triển. Ngành dệt may là một chuỗi giá trị mang yếu tố liên quốc gia thì cần định vị rõ ràng về giá trị mà Việt Nam có thể đóng góp trong chuỗi giá trị toàn cầu để hình thành được lợi thế riêng của quốc gia từ đó phát triển những thương hiệu riêng của đất nước. Còn làng nghề là mô hình kinh tế nhỏ không đem lại được hiệu ứng quy mô lớn thì cần phát triển theo định hướng xây dựng lợi thế tiềm năng cho nền kinh tế và giải quyết công ăn việc làm cho khu vực nông thôn góp phần tái cơ cấu kinh tế, tái cơ cấu lao động. Dựa trên phân tích trường hợp cụ thể 2 đối tượng CLKN tiềm năng trên, luận án cũng có đề xuất riêng về vai trò của Nhà nước với 2 cụm ngành này.

2. Một số hạn chế của luận án

Thực tế Nhà nước có vai trò gián tiếp và trực tiếp trong hình thành và phát triển CLKN. Tuy nhiên, do phần chỉ số đo lường sự tích tụ của các yếu tố để tạo nên hiệu ứng cụm hóa cần sự quan sát từ nhiều các trường hợp thành công và thất bại trên thế giới và phụ thuộc vào yếu tố thị trường là chính nên rất khó tổng hợp để có thể đưa ra được khung khổ lý luận chung. Chính vì hạn chế này nên luận án chỉ tập trung vào phân tích vai trò trực tiếp của Nhà nước với đối tượng quản lý là CLKN.

Những hạn chế nội tại lớn từ phía năng lực của Nhà nước khiến cho các chính sách chưa thể đi vào thực tiễn nằm ở chất lượng văn bản chính sách ban hành và hạn chế trong thực tiễn triển khai. Phần phân tích về các nguyên nhân chính của những hạn chế này của Nhà nước cần có các số liệu và các dẫn chứng thực tiễn. Tuy nhiên, trong phạm vi khuôn khổ luận án có hạn nên không tiến hành phân tích cụ thể các nguyên nhân của những hạn chế trên.

3. Kiến nghị định hướng nghiên cứu tiếp theo

(1) Lập bản đồ CLKN để định hình các chuỗi giá trị nào có thể được lựa chọn để phát triển; (2) Rà soát các quy định, luật, thực tiễn hiện còn gây cản trở hay chưa phù hợp với việc hình thành và phát triển CLKN; (3) Nghiên cứu cụ thể về các tiêu chí đánh giá về vai trò của Nhà nước với CLKN; (4) Phân tích, đánh giá về sự tích tụ và tương tác giữa 4 yếu tố trong mô hình kim cương giúp hình thành ngoại ứng tổ hợp hóa CLKN.

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CÔNG BỐ CỦA TÁC GIẢ

1. Nguyễn Thị Thu Huyền (2014), *Liên kết ngược giữa các TNC với các doanh nghiệp địa phương: một số vấn đề lý luận và tiềm năng của Việt Nam*, Tạp chí Quản lý Kinh tế, số 62 (T8/2014).
2. Nguyễn Thị Thu Huyền (2014), *Mô hình quản trị cụm ngành công nghiệp ở các nước trên thế giới và bài học cho Việt Nam*, Tạp chí Quản lý Kinh tế, số chuyên đề 2014 (T12/2014).
3. Nguyễn Thị Thu Huyền (2018), *Vai trò của Nhà nước trong hỗ trợ hình thành và phát triển cụm liên kết ngành: Lý luận và kinh nghiệm của Trung Quốc*, Tạp chí Quản lý Kinh tế, số 88 (tháng 05+06/2018).
4. Nguyễn Thị Thu Huyền (2020), *Đề xuất khung chính sách quản lý cụm liên kết ngành ở Việt Nam*, Tạp chí Kinh tế và Dự báo, số 5 (Tháng 2/2020).